

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *4/19* /STNMT-KHTC  
V/v thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng  
kinh tế- xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn  
2011-2017.

Điện Biên, ngày *06* tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 1160/UBND-TH ngày 08 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên V/v tham mưu báo cáo thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2017. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổng hợp nội dung báo cáo như sau:

1. Về quy hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015 của tỉnh Điện Biên đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2013, trong đó xác định quy hoạch đất phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 với diện tích 15.133 ha. Tuy nhiên đến năm 2017 diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh đạt 8.608 ha, do đó trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên, đã được UBND tỉnh trình Chính phủ xét duyệt xác định quy hoạch đất phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 với diện tích 12.696 ha.

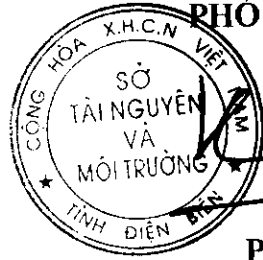
2. Các chỉ tiêu về vệ sinh môi trường giai đoạn từ năm 2011 đến nay (có biểu chi tiết kèm theo).

Trên đây là báo cáo thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc sở;
- Lưu: VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Hiền**

**Phụ lục: Kết quả đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội từ năm 2011 đến nay.**  
*(Ban hành kèm theo văn bản số 419 /STNMT-KHTC ngày 08 tháng 6 năm 2018)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	Bình quân 2011 - 2015 so với kế hoạch	2016	2017	Bình quân 2016 - 2017 so với kế hoạch
<b>6</b>	<b>Môi trường - nước sinh hoạt</b>										
<b>6.2</b>	<b>Tổng công trình xử lý vệ sinh môi trường</b>	Công trình	10	10	10	10	10		10	10	
-	Lượng rác thải sinh hoạt trung bình do 01 người thải ra 01 ngày										
	Thành thị	Kg	0,6 - 0,7	0,6 - 0,7	0,6 - 0,7	0,6 - 0,7	0,6 - 0,7		0,6 - 0,7	0,6 - 0,7	
	Nông thôn	Kg	0,2 - 0,3	0,2 - 0,3	0,2 - 0,3	0,2 - 0,3	0,2 - 0,3		0,2 - 0,3	0,2 - 0,3	
-	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được các cơ quan môi trường thu gom xử lý										
	Thành thị	%	90%	90%	90%	90%	90%		90%	90%	
	Nông thôn	%	12%	12%	12%	12%	12%		12%	12%	